

TỈNH ỦY QUẢNG NGÃI

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

\*  
Số 12 -ĐA/TU

Quảng Ngãi, ngày 07 tháng 9 năm 2022

**ĐỀ ÁN**

**Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý  
cho hệ thống chính trị của tỉnh trong  
05 năm, 10 năm, 20 năm đến**

-----

**Phần thứ nhất**

**SỰ CẦN THIẾT, CƠ SỞ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

**I. Sự cần thiết**

Công tác xây dựng đội ngũ cán bộ là chủ trương lớn, nhất quán của Đảng và Nhà nước ta trong suốt nhiều nhiệm kỳ qua. Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã nhấn mạnh: “... xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là đội ngũ cấp chiến lược, người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, gắn bó mật thiết với nhân dân là những nhân tố có ý nghĩa quyết định thành công sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc”; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX đã đưa ra một trong ba đột phá trong nhiệm kỳ 2020 - 2025 là: “Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, trọng tâm là xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ”.

Trong thời gian qua, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương trong hệ thống chính trị của tỉnh triển khai thực hiện việc xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý (gọi tắt là cán bộ lãnh đạo, quản lý) đạt được một số kết quả quan trọng: Đã ban hành nhiều nghị quyết, kết luận, chỉ thị và sửa đổi, bổ sung nhiều quy định, quy chế để tổ chức thực hiện; quy trình công tác cán bộ ngày càng chặt chẽ, đồng bộ, công khai, minh bạch, khoa học và dân chủ; công tác đào tạo, bồi dưỡng và cập nhật kiến thức mới được quan tâm, từng bước gắn với chức danh, với quy hoạch và sử dụng cán bộ; chủ trương luân chuyển kết hợp với bố trí một số chức danh lãnh đạo không là người địa phương đạt được kết quả bước đầu tích cực; công tác kiểm tra, giám sát, bảo vệ chính trị nội bộ được quan tâm thực hiện chặt chẽ, có hiệu quả...

Tuy nhiên, công tác xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý vẫn còn một số hạn chế như: Việc thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp loại xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ theo Kết luận số 86-KL/TW ngày 24/01/2014 của Bộ Chính trị và Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ còn ít; tỷ lệ cán bộ trẻ trong cơ cấu cấp ủy, hội đồng nhân dân các



cấp và các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, cấp huyện chưa đạt tỷ lệ theo quy định của Trung ương; năng lực của đội ngũ cán bộ chưa tương xứng với yêu cầu phát triển; trình độ ngoại ngữ, kỹ năng giao tiếp và khả năng làm việc trong môi trường quốc tế còn nhiều hạn chế. Một bộ phận cán bộ thiếu bản lĩnh, ngại rèn luyện; việc cử cán bộ đi đào tạo trình độ sau đại học chưa phù hợp với yêu cầu công tác, có biểu hiện chạy theo bằng cấp, chưa chú trọng vào những ngành, lĩnh vực còn thiếu, yếu; luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, cấp huyện về cơ sở còn hạn chế; việc quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý trẻ chưa đạt chỉ tiêu quy định.

Những hạn chế nêu trên có nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân chủ yếu là công tác xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, nhất là đội ngũ cán bộ chủ chốt chưa có định hướng chiến lược lâu dài, chưa có sự chuẩn bị kỹ lưỡng môi trường rèn luyện, thử thách cán bộ; còn dàn trải, thiếu tính đồng bộ, tính đột phá.

Từ thực tế nêu trên, để xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cho hệ thống chính trị của tỉnh, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt có phẩm chất đạo đức tốt, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng và cơ cấu phù hợp; có sự chuyển tiếp liên tục, vững vàng giữa các thế hệ; đủ sức lãnh đạo, đưa tỉnh nhà vững bước đi lên trong tầm trung và dài hạn, sớm đạt trình độ phát triển khá trong khu vực Duyên hải miền Trung<sup>1</sup>; đáp ứng yêu cầu thời kỳ thực hiện cuộc Cách mạng khoa học công nghệ lần thứ tư, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, nên việc xây dựng **“Đề án xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cho hệ thống chính trị của tỉnh trong 05 năm, 10 năm, 20 năm đến”** là rất cần thiết.

## II. Cơ sở xây dựng Đề án

### 1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- (1). Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII, XIII của Đảng.
- (2). Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII) một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.
- (3). Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

<sup>1</sup> Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX nêu: “Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng bộ và hệ thống chính trị thực sự trong sạch, vững mạnh toàn diện, xứng đáng với niềm tin của nhân dân; khơi dậy niềm tự hào, phát huy truyền thống anh hùng, sức mạnh đoàn kết và khát vọng phát triển; đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, năng suất lao động, năng lực cạnh tranh, tận dụng thời cơ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển nhanh và bền vững; nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân; bảo đảm quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị - xã hội. Phấn đấu đến năm 2025, Quảng Ngãi trở thành tỉnh phát triển khá của Vùng miền Trung; tạo tiền đề để đến năm 2030, trở thành tỉnh phát triển khá, có thu nhập bình quân đầu người ít nhất bằng mức bình quân của cả nước”.



(4). Quy định số 65-QĐ/TW ngày 28/4/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về luân chuyển cán bộ.

(5). Kết luận số 86-KL/TW ngày 24/01/2014 của Bộ Chính trị về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ.

(6). Kết luận số 35-KL/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị về danh mục chức danh, chức vụ lãnh đạo và tương đương của hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở.

(7). Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008; Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019; Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019.

(8). Nghị định số 140/2017/NĐ-CP ngày 05/12/2017 của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ.

(9). Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18/10/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

(10). Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn; Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

(11). Quyết định số 163/QĐ-TTg ngày 25/01/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016 – 2025.

(12). Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

(13). Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX.

(14). Kết luận số 298-KL/TU ngày 13/4/2021 của Hội nghị Tỉnh ủy lần



thứ 3, khóa XX về tiếp tục phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, trọng tâm là xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín ngang tầm nhiệm vụ.

(15). Quy định số 2105-QĐ/TU ngày 19/10/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử; Quy định số 1913-QĐ/TU ngày 20/5/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiêu chuẩn chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và Quy định số 244-QĐ/TU ngày 14/6/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong Quy định số 1913-QĐ/TU ngày 20/5/2020 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiêu chuẩn chức danh cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

(16). Kế hoạch số 156-KH/TU ngày 17/9/2018 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ.

## **2. Cơ sở thực tiễn**

(1). Báo cáo số 302-BC/TU ngày 20/4/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 06/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

(2). Báo cáo số 341-BC/TU ngày 14/8/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

(3). Báo cáo số 378-BC/TU ngày 14/12/2018 của Tỉnh ủy về sơ kết 02 năm rưỡi thực hiện Kết luận số 17-KL/TU ngày 19/4/2016 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ ba, khóa XIX về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực trong hệ thống chính trị và phục vụ sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016 - 2020.

(4). Báo cáo số 58-BC/TU ngày 13/4/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về sơ kết 02 năm thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ và tổng kết thực hiện Kết luận số 17-KL/TU ngày 19/4/2016 của Hội nghị Tỉnh ủy lần thứ ba, khóa XIX về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực trong hệ thống chính trị và phục vụ sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016 - 2020.

(5). Từ thực trạng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và nhu cầu sử dụng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của tỉnh trong tương lai.



## Phần thứ hai

### TỔNG QUAN VỀ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ ĐƯƠNG CHỨC VÀ QUY HOẠCH CÁC CẤP

#### I. Thực trạng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý đương chức

Tổng số có 3.959 cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, cấp huyện và cán bộ chủ chốt cấp xã<sup>2</sup>. Cụ thể:

##### 1. Cấp tỉnh có 914 đồng chí.

Về trình độ chuyên môn: 100% từ đại học trở lên; lý luận chính trị: Cao cấp, cử nhân 612 đồng chí (*chiếm 66,69%*), trung cấp 302 đồng chí (*chiếm 33,04%*).

Về độ tuổi: Dưới 35 có 15 đồng chí (*chiếm 1,64%*), từ 35 đến dưới 40 có 57 đồng chí (*chiếm 6,23%*), từ 40 tuổi trở lên 842 đồng chí (*chiếm 92,13%*).

##### 2. Cấp huyện có 2.015 đồng chí.

Về trình độ chuyên môn: Từ đại học trở lên có 1.971 đồng chí (*chiếm 97,82%*), cao đẳng, trung cấp có 44 đồng chí (*chiếm 2,18%*)<sup>3</sup>; lý luận chính trị: Cao cấp, cử nhân 1.132 đồng chí (*chiếm 56,17%*), trung cấp 883 đồng chí (*chiếm 43,83%*).

Về độ tuổi: Dưới 35 có 37 đồng chí (*chiếm 1,84%*), từ 35 đến dưới 40 có 259 đồng chí (*chiếm 12,85%*), từ 40 tuổi trở lên 1.719 đồng chí (*chiếm 85,31%*).

##### 3. Cán bộ chủ chốt cấp xã có 1.030 đồng chí.

Về trình độ chuyên môn: Từ đại học trở lên có 1.005 đồng chí (*chiếm 97,57%*), cao đẳng, trung cấp có 25 đồng chí (*chiếm 2,43%*); lý luận chính trị: Cao cấp, cử nhân 138 đồng chí (*chiếm 13,40%*), trung cấp 892 đồng chí (*chiếm 86,60%*).

Về độ tuổi: Dưới 35 có 21 đồng chí (*chiếm 2,03%*), từ 35 đến dưới 40 có 266 đồng chí (*chiếm 25,82%*), từ 40 tuổi trở lên 743 đồng chí (*chiếm 72,15%*).

(Có phụ lục số 1, 2 gửi kèm theo)

#### II. Thực trạng đội ngũ cán bộ quy hoạch chức danh lãnh đạo, quản lý

Tổng số có 5.574 cán bộ được quy hoạch chức danh lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, cấp huyện và cán bộ chủ chốt cấp xã. Cụ thể:

<sup>2</sup> Bao gồm các chức danh: Bí thư đảng ủy cấp xã (Kể cả kiêm chủ tịch HĐND, chủ tịch UBND); phó bí thư đảng ủy cấp xã (Kể cả kiêm chủ tịch HĐND, chủ tịch UBND); chủ tịch HĐND, chủ tịch UBND; phó chủ tịch HĐND, phó chủ tịch UBND.

<sup>3</sup> Chủ yếu là những đồng chí đang công tác ở Hội cựu chiến binh cấp huyện.

<sup>4</sup> Chỉ lấy chức danh quy hoạch cao nhất.



### 1. Cấp tỉnh có 869 đồng chí

Về trình độ chuyên môn: 100% từ đại học trở lên; lý luận chính trị: Cao cấp, cử nhân 533 đồng chí (*chiếm 61,33%*), trung cấp 307 đồng chí (*chiếm 35,32%*), sơ cấp 29 đồng chí (*chiếm 3,35%*).

Về độ tuổi: Dưới 35 có 24 đồng chí (*chiếm 2,76%*), từ 35 đến dưới 40 có 104 đồng chí (*chiếm 11,96%*), từ 40 tuổi trở lên 741 đồng chí (*chiếm 85,28%*).

### 2. Cấp huyện có 2.777 đồng chí

Về trình độ chuyên môn: Từ đại học trở lên có 2.711 đồng chí (*chiếm 97,62%*), cao đẳng, trung cấp có 66 đồng chí (*chiếm 2,38%*); lý luận chính trị: Cao cấp, cử nhân 1.320 đồng chí (*chiếm 47,53%*), trung cấp 1.338 đồng chí (*chiếm 48,18%*), sơ cấp 119 đồng chí (*chiếm 4,29%*).

Về độ tuổi: Dưới 35 có 201 đồng chí (*chiếm 7,24%*), từ 35 đến dưới 40 có 633 đồng chí (*chiếm 22,79%*), từ 40 tuổi trở lên 1.943 đồng chí (*chiếm 69,97%*).

### 3. Cán bộ chủ chốt cấp xã có 1.928 đồng chí

Về trình độ chuyên môn: Từ đại học trở lên có 1.214 đồng chí (*chiếm 62,97%*), cao đẳng, trung cấp có 714 đồng chí (*chiếm 37,03%*); lý luận chính trị: Cao cấp, cử nhân 60 đồng chí (*chiếm 3,11%*), trung cấp 1.754 đồng chí (*chiếm 90,97%*), sơ cấp hoặc chưa qua đào tạo 114 đồng chí (*chiếm 5,92%*).

Về độ tuổi: Dưới 35 có 628 đồng chí (*chiếm 32,57%*), từ 35 đến dưới 40 có 570 đồng chí (*chiếm 29,56%*), từ 40 tuổi trở lên 730 đồng chí (*chiếm 37,87%*).

(Có phụ lục số 3, 4 gửi kèm theo)

## III. Kết quả đào tạo đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, cấp huyện và cán bộ chủ chốt cấp xã giai đoạn từ 2010 đến nay

Trong giai đoạn từ năm 2010 đến nay, tỉnh đã cử đi đào tạo trình độ sau đại học trong và ngoài nước, đào tạo lý luận chính trị cho **5.803** lượt cán bộ. Cụ thể như sau:

1. Cấp tỉnh có 1.220 lượt cán bộ. Trong đó, đào tạo sau đại học 403 (29 tiến sĩ; 374 thạc sĩ); đào tạo lý luận chính trị 817 (496 cao cấp, cử nhân; 321 trung cấp).

2. Cấp huyện có 3.669 lượt cán bộ. Trong đó, đào tạo sau đại học 617 (26 tiến sĩ; 591 thạc sĩ); đào tạo lý luận chính trị 3.052 (1.295 cao cấp, cử nhân; 1.757 trung cấp).



3. *Cấp xã* có 914 lượt cán bộ. Trong đó, đào tạo chuyên môn 399 (19 thạc sĩ; 340 đại học; 02 cao đẳng; 38 trung cấp); đào tạo lý luận chính trị 515 (41 cao cấp, cử nhân; 474 trung cấp).

(Có phụ lục số 5, 6, 7 gửi kèm theo)

#### IV. **Đánh giá chung**

##### 1. **Ưu điểm**

Nhìn chung đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của tỉnh tương đối đồng đều về trình độ chuyên môn, đáp ứng yêu cầu về trình độ lý luận chính trị<sup>5</sup>. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý được Ban Thường vụ cấp ủy các cấp quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi để phát huy năng lực, cống hiến tài năng, trí tuệ, góp phần tạo được sự chuyển biến tích cực trong công tác cán bộ. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của tỉnh nói chung và đội ngũ cán bộ trẻ nói riêng đã có sự phát triển cả về số lượng và chất lượng; hầu hết cán bộ lãnh đạo, quản lý được đào tạo cơ bản, có phẩm chất đạo đức tốt, có tinh thần trách nhiệm và nhiệt tình trong công tác, có khát vọng vươn lên, phấn đấu hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao. Những cán bộ lãnh đạo, quản lý trẻ được bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử đã phát huy tốt năng lực, vai trò, vị trí của mình trong công tác, góp phần quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Công tác tuyển chọn cán bộ ngày càng được chú trọng, việc tổ chức các kỳ tuyển dụng công chức, viên chức được thực hiện nghiêm túc, minh bạch, đúng quy định, đã có sự quan tâm thu hút, đãi ngộ đối với nhân lực chất lượng cao. Công tác đánh giá, phân loại cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh, nhất là đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý bước đầu có sự đổi mới theo hướng có tiêu chí đánh giá cụ thể, đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu, chú trọng kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao và nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị do mình phụ trách.

Công tác quy hoạch, đào tạo đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, nhất là cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số được quan tâm, thực hiện cơ bản bảo đảm quy định và được xác định là một chủ trương, biện pháp để tạo nguồn và xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp. Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ bước đầu đã gắn với quy hoạch, sử dụng cán bộ, trong đó tập trung đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, cập nhật kiến thức mới và bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước. Việc điều động, luân chuyển cán bộ được tiến hành có kế hoạch, tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và trong diện quy hoạch được rèn luyện trong

<sup>5</sup> Ở cấp tỉnh: 100% có trình độ chuyên môn đại học trở lên; về trình độ lý luận chính trị: Cao cấp, cử nhân đạt 66,96%, trung cấp đạt 33,04%. Ở cấp huyện: 97,82% có trình độ chuyên môn đại học trở lên (2,18% chưa đạt: Phần lớn rơi vào những trường hợp đang công tác ở Hội Cựu chiến binh cấp huyện); về lý luận chính trị: Cao cấp, cử nhân 57,12%, trung cấp (42,88%).



thực tiễn, trưởng thành; các địa phương và các ngành, các cấp đã có sự phối hợp tốt hơn trong công tác điều động, luân chuyển cán bộ.

## 2. Hạn chế, bất cập và nguyên nhân

### 2.1. Hạn chế, bất cập

Chất lượng đội ngũ cán bộ đã được nâng lên nhưng cơ cấu còn thiếu cân đối, có điểm chưa hợp lý; tỷ lệ cán bộ lãnh đạo, quản lý dưới 40 tuổi còn thấp<sup>6</sup>; số lượng cán bộ trẻ được bổ nhiệm vào chức vụ lãnh đạo, quản lý chưa cao<sup>7</sup>; quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, cấp huyện chưa đảm bảo tính kế thừa, chuyển tiếp giữa các thế hệ, tỷ lệ cán bộ trẻ còn thấp<sup>8</sup>; cơ cấu độ tuổi chưa bảo đảm tính kế thừa có thể dẫn đến hẫng hụt đội ngũ cán bộ kế cận các cấp trong những năm đến.

Năng lực của một số cán bộ lãnh đạo, quản lý vẫn còn nhiều hạn chế; nhất là phương pháp, kỹ năng giải quyết công việc, xử lý tình huống phát sinh trong thực tiễn còn lúng túng, thiếu quyết đoán, thiếu tính sáng tạo, đột phá, quyết tâm, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm. Một số cán bộ lãnh đạo, quản lý thiếu bản lĩnh, ngại rèn luyện, thiếu gương mẫu, uy tín thấp, năng lực, phẩm chất chưa ngang tầm nhiệm vụ; trình độ ngoại ngữ, kỹ năng giao tiếp và khả năng làm việc trong môi trường quốc tế còn yếu. Kết quả thu hút trí thức trẻ và người có trình độ cao chưa đạt yêu cầu. Vẫn còn tình trạng "thừa" nhân lực, nhưng "thiếu" cán bộ lãnh đạo, quản lý giỏi, nhà khoa học và chuyên gia đầu ngành ở các lĩnh vực quan trọng.

Công tác đánh giá cán bộ vẫn là khâu yếu, có lúc chưa phản ánh đúng thực chất, chưa gắn với kết quả, sản phẩm cụ thể, có trường hợp còn cảm tính, nể nang, dễ dãi hoặc định kiến. Công tác quy hoạch cán bộ thiếu tính liên thông giữa các cấp, các ngành, các địa phương; còn khép kín, chưa bảo đảm phương châm "động" và "mở". Một số cán bộ luân chuyển làm việc còn e dè, còn có tâm lý giữ mình, ngại va chạm.

### 2.2. Nguyên nhân

#### 2.2.1. Nguyên nhân khách quan

- Thực trạng đội ngũ cán bộ do lịch sử để lại đã có những tồn tại, hạn chế nhất định về chất lượng, số lượng, cơ cấu, do đó cần có thời gian để đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng, tinh giản và cơ cấu lại cho phù hợp.

<sup>6</sup> Cấp tỉnh có 72 đồng chí, đạt 7,87%; cấp huyện có 296 đồng chí đạt 14,68%.

<sup>7</sup> Trong Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ hiện tại chỉ có 01 cán bộ trẻ tuổi dưới 40 (1,85%); ở cấp huyện tỷ lệ cán bộ trẻ tuổi dưới 40 trong Ban chấp hành đảng bộ mới đạt 7,6%; ở cấp xã tỷ lệ cán bộ, công chức dưới 30 tuổi chiếm 2,71%.

<sup>8</sup> Cấp tỉnh: Dưới 35 có 24 đồng chí (chiếm 2,76%), từ 35 đến dưới 40 có 104 đồng chí (chiếm 11,96%), từ 40 tuổi trở lên 741 đồng chí (chiếm 85,28%). Cấp huyện: Dưới 35 có 201 đồng chí (chiếm 7,24%), từ 35 đến dưới 40 có 633 đồng chí (chiếm 22,79%), từ 40 tuổi trở lên 1.943 đồng chí (chiếm 69,97%).



- Chưa có cơ chế hiệu quả để đánh giá đúng cán bộ, tạo động lực, bảo vệ cán bộ và thu hút, trọng dụng nhân tài; chính sách cán bộ còn bất cập, chưa là động lực thúc đẩy cán bộ phát huy hết khả năng.

### 2.2.2. Nguyên nhân chủ quan

- Nhận thức và ý thức trách nhiệm của một số cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo cơ quan, đơn vị và cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu về cán bộ và công tác cán bộ chưa thật sự đầy đủ, sâu sắc, toàn diện. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng chưa được coi trọng đúng mức và chưa thường xuyên. Công tác quản lý cán bộ có nơi, có lúc bị buông lỏng; việc sàng lọc, thay thế kịp thời những người yếu kém, uy tín thấp, không đủ sức khoẻ còn hạn chế, kết quả thấp.

- Một bộ phận cán bộ có cả cán bộ lãnh đạo, quản lý chưa chuyên sâu, chuyên tâm, phong cách làm việc còn quan liêu, chưa gần dân, sát cơ sở, chậm nắm bắt thực tiễn, khả năng tổng hợp, nghiên cứu, tham mưu đề xuất, triển khai công tác còn hạn chế, thiếu năng động, sáng tạo trong công việc, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Nhiều cấp ủy, địa phương, cơ quan, đơn vị chưa tin tưởng, mạnh dạn quy hoạch cán bộ trẻ, dẫn tới thiếu nguồn hoặc có cán bộ trẻ trong nguồn quy hoạch nhưng ít quan tâm đào tạo, bồi dưỡng sau quy hoạch dẫn đến không đạt tiêu chuẩn nên không thể bổ nhiệm hoặc giới thiệu ứng cử. Việc điều động, luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý, nhất là cán bộ trẻ gắn với quy hoạch cán bộ để đào tạo, rèn luyện thực tiễn còn có mặt hạn chế, chưa có tính đột phá, định hướng lâu dài để tạo nguồn cán bộ lãnh đạo các cấp trong tương lai.

- Cơ chế cạnh tranh trong tuyển chọn cán bộ lãnh đạo, quản lý chậm đi vào thực tiễn, thi tuyển chức danh lãnh đạo cấp sở, cấp phòng chưa được thực hiện do cấp trên chưa cho phép.

- Vẫn còn tình trạng đánh giá, xếp loại cán bộ lãnh đạo, quản lý chưa toàn diện, đầy đủ. Cơ chế khuyến khích và bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung còn nhiều khó khăn, vướng mắc trong thực hiện.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng còn thiếu tính kế hoạch, chiến lược dài hạn; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo từng nhóm đối tượng, chức danh chưa được làm một cách bài bản; nội dung đào tạo, bồi dưỡng còn nặng về lý thuyết, chưa sát với nhu cầu và điều kiện thực tế; chưa xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng về kỹ năng lãnh đạo, quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện, nhất là việc xử lý những tình huống xảy ra trong thực tiễn. Việc cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, nhất là đào tạo sau đại học còn trường hợp chưa căn cứ vào vị trí việc làm và nhu cầu sử dụng cán bộ trong tương lai.



Một số cán bộ, công chức chưa có ý thức, tinh thần thực học, còn có biểu hiện chạy theo bằng cấp và tiêu chuẩn chức danh.

- Chủ trương tuyển dụng, thu hút nhân tài chậm được cụ thể hoá bằng các cơ chế, chính sách phù hợp; thiếu cơ chế, chính sách để thu hút, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; kết quả thu hút trí thức trẻ và người có trình độ cao chưa đạt yêu cầu. Thiếu những nhà khoa học và chuyên gia đầu ngành ở các lĩnh vực quan trọng.

### Phần thứ ba

## ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI, QUAN ĐIỂM, NGUYÊN TẮC, MỤC TIÊU VÀ MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

### I. Đối tượng, phạm vi của Đề án

#### 1. Đối tượng của Đề án

- Cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và quy hoạch các chức danh diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

- Cán bộ, công chức, viên chức (*gọi tắt là cán bộ*) đang giữ chức vụ trưởng, phó trưởng phòng trở lên cấp tỉnh, cấp huyện dưới 40 tuổi; cán bộ được quy hoạch giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp phòng trở lên cấp tỉnh, cấp huyện dưới 35 tuổi (*không bao gồm cán bộ thuộc các cơ quan, đơn vị thuộc ngành dọc của Trung ương*).

- Cán bộ chủ chốt cấp xã và cán bộ được quy hoạch chức danh cán bộ chủ chốt cấp xã (*gồm: Bí thư, phó bí thư; chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân; phó chủ tịch hội đồng nhân dân, phó chủ tịch ủy ban nhân dân*) dưới 35 tuổi.

- Công chức, viên chức được tuyển dụng theo chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ.

#### 2. Phạm vi của Đề án

Đề án được thực hiện trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập và các hội quán chúng được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ cấp tỉnh, cấp huyện; cán bộ chủ chốt cấp xã và cán bộ được quy hoạch chức danh cán bộ chủ chốt cấp xã.

### II. Quan điểm, nguyên tắc, mục tiêu của Đề án

#### 1. Quan điểm

- Thực hiện nhất quán nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo trực tiếp, toàn diện công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị; phát huy dân chủ, tăng cường tính công khai, minh bạch, gắn liền với đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác cán bộ; chuẩn hóa,



siết chặt kỷ luật, kỷ cương đi đôi với xây dựng thể chế, tạo môi trường, điều kiện để thúc đẩy đổi mới, phát huy sáng tạo và bảo vệ cán bộ năng động, đổi mới, dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung. Phân công, phân cấp gắn với giao quyền, ràng buộc trách nhiệm, đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực và xử lý nghiêm minh sai phạm trong công tác cán bộ.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ mới; gắn với đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, kiện toàn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, thu hút, trọng dụng nhân tài.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ phải gắn với đổi mới đồng bộ các khâu của công tác cán bộ như: Tuyển dụng, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, điều động, luân chuyển, bố trí, sử dụng, thực hiện chính sách cán bộ...; đồng thời, phải gắn với công tác dự báo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Xây dựng cơ chế ổn định của địa phương để thực hiện thường xuyên việc thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao mà địa phương có nhu cầu; tạo cơ chế cho con em người Quảng Ngãi xa quê có cơ hội đóng góp tâm huyết, trí tuệ cho việc phát triển địa phương.

## **2. Nguyên tắc**

- Bảo đảm thống nhất, đồng bộ giữa các khâu thu hút, tuyển dụng công chức, viên chức; phát hiện, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, luân chuyển cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý; sử dụng và đãi ngộ cán bộ, công chức, viên chức.

- Thực hiện đúng theo quy định của Đảng, Nhà nước và phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh; dân chủ, công khai, minh bạch, khách quan và cạnh tranh trong tuyển dụng công chức, viên chức và tuyển chọn cán bộ lãnh đạo, quản lý.

- Việc bố trí, sắp xếp, luân chuyển phải bảo đảm hài hòa về cơ cấu chuyên ngành đào tạo và cơ cấu 3 độ tuổi trong đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, bảo đảm tính kế thừa, chuyển tiếp vững vàng giữa các thế hệ và gắn với nhu cầu thực tế của địa phương.

## **3. Mục tiêu của Đề án**

### **3.1. Mục tiêu chung**

Xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ; có số lượng và cơ cấu hợp lý; tăng cường chất lượng và trẻ hóa đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp; từng bước xây dựng đội ngũ cán bộ cho những nhiệm kỳ tiếp theo, nhất là cán bộ chủ chốt của tỉnh đáp ứng yêu



cầu trước mắt và lâu dài, góp phần xây dựng nguồn cán bộ cấp chiến lược cho Trung ương, bảo đảm sự chuyển tiếp liên tục, vững vàng giữa các thế hệ.

### **3.2. Mục tiêu cụ thể**

**- Đến năm 2025:**

(1) *Tiếp tục hoàn thiện, chuẩn hóa, đồng bộ các quy định, quy chế, quy trình về công tác cán bộ từ tỉnh đến cơ sở*

Sửa đổi, bổ sung, đồng bộ các quy định, quy chế, quy trình về công tác cán bộ trên địa bàn tỉnh, nhằm đổi mới công tác cán bộ, kiểm soát quyền lực, chống chạy chức, chạy quyền; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” gắn với học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

(2) *Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm, khung năng lực và nâng dần tỷ lệ cán bộ trẻ.*  
Cụ thể là:

*- Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh, cấp huyện:*

+ 100% cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và quy hoạch chức danh lãnh đạo, quản lý được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức đối tượng 3 theo Quy định số 164-QĐ/TW ngày 01/02/2013 của Bộ Chính trị về chế độ bồi dưỡng, cập nhật kiến thức đối với đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

+ 100% cán bộ đang giữ chức vụ trưởng, phó trưởng phòng trở lên dưới 40 tuổi có trong quy hoạch diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và 50% cán bộ dưới 35 tuổi được quy hoạch giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp phòng trở lên phải học cao cấp lý luận chính trị hệ tập trung; 100% được đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định.

+ Phân đấu tỷ lệ cán bộ trẻ dưới 40 tuổi trong Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đạt từ 06% trở lên; trong cấp ủy cấp huyện phân đấu đạt từ 10% trở lên; được bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử giữ chức danh diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý hàng năm phân đấu đạt từ 12% trở lên.

+ Phân đấu ít nhất 70% cấp ủy cấp huyện và tương đương có cán bộ trẻ dưới 40 tuổi trong ban thường vụ; có 30% huyện, thị xã, thành phố có cán bộ trẻ dưới 40 tuổi trong thường trực cấp ủy hoặc phó chủ tịch hội đồng nhân dân, phó chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện.

*- Đối với cán bộ chủ chốt cấp xã (gồm Bí thư, phó bí thư, chủ tịch hội đồng nhân dân, chủ tịch ủy ban nhân dân, phó chủ tịch hội đồng nhân dân, phó chủ tịch ủy ban nhân dân):*

Có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên (*phường, thị trấn và xã đồng bằng*) và từ cao đẳng trở lên (*ở xã miền núi*); trình độ lý luận chính trị từ



trung cấp trở lên; được bồi dưỡng quản lý nhà nước ngạch chuyên viên trở lên, bồi dưỡng cập nhật kiến thức lãnh đạo, quản lý theo chức danh quy hoạch.

- 100% cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng quy hoạch đảm bảo cả về cơ cấu, số lượng, gắn quy hoạch với công tác đào tạo, luân chuyển, bố trí, sử dụng cán bộ.

- Chú trọng thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp loại xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ, trong đó ưu tiên cho các sinh viên, cán bộ khoa học trẻ ở những ngành, lĩnh vực tỉnh đang cần:

+ Phần đầu mỗi năm tuyển chọn, thu hút từ 03 - 05 sinh viên tốt nghiệp loại xuất sắc, nhà khoa học trẻ ở các ngành, lĩnh vực như: Công nghệ thông tin - truyền thông; khoa học - công nghệ - trí tuệ nhân tạo; tài chính - ngân hàng; y tế, giáo dục; du lịch; quy hoạch, quản lý đô thị; khoa học chính trị... vào công tác ở các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị sự nghiệp công lập và các hội quần chúng do Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ.

+ Phần đầu mỗi năm tuyển chọn và cử ít nhất 01 - 02 cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo tiến sĩ trong và ngoài nước; ít nhất 02 - 03 cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo thạc sĩ ngoài nước ở các ngành, lĩnh vực tỉnh có nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao.

*(3) Thực hiện sắp xếp, điều động, luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý giữa các địa phương, cơ quan, đơn vị để rèn luyện, đào tạo thực tiễn*

- Hoàn thành 100% việc bố trí bí thư cấp ủy cấp huyện không là người địa phương; phần đầu 30% chủ tịch ủy ban nhân dân cấp huyện không phải là người địa phương; ở cấp xã bố trí 50% bí thư cấp ủy không là người địa phương.

- Phần đầu có ít nhất 10% số xã, phường, thị trấn có cán bộ trẻ (*dưới 40 tuổi*) giữ chức vụ bí thư, chủ tịch ủy ban nhân dân.

**- Đến năm 2030 và định hướng đến năm 2035:**

*(1) Xây dựng được đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp chuyên nghiệp, có chất lượng cao, có số lượng, cơ cấu hợp lý, bảo đảm sự chuyển giao thế hệ cán bộ một cách vững vàng, cụ thể:*

Thực hiện đạt các mục tiêu đã đề ra cho giai đoạn 2025 - 2030, định hướng đến năm 2035 tại các Đề án số 08, Đề án số 09<sup>9</sup> và Nghị quyết số 09 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy<sup>10</sup> và nhấn mạnh một số chỉ tiêu cụ thể sau:

<sup>9</sup> Đề án số 08-ĐA/TU ngày 12/11/2021 về tạo nguồn và phát triển cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ người dân tộc thiểu số giữ các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý đến năm 2030, định hướng đến năm 2035; Đề án 09-ĐA/TU ngày 27/01/2022 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030.



- Từ 15 - 20% cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh dưới 40 tuổi, từ 25 - 35% đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế; từ 20 - 25% cán bộ lãnh đạo chủ chốt và ủy viên ban thường vụ cấp ủy cấp huyện dưới 40 tuổi.

- Tỷ lệ cán bộ trẻ dưới 40 tuổi trong Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đến năm 2030 phấn đấu đạt từ 10% trở lên, đến năm 2035 từ 15% trở lên; trong cấp ủy cấp huyện đến năm 2030 phấn đấu từ 15% trở lên, đến năm 2035 từ 17% trở lên; được bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử giữ chức danh diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý đạt từ 15% trở lên.

- Bảo đảm 100% cấp ủy cấp huyện và tương đương có cán bộ trẻ dưới 40 tuổi trong ban thường vụ. Đến năm 2030 có 50% huyện, thị xã, thành phố và Đảng ủy Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh có cán bộ trẻ dưới 40 tuổi trong thường trực cấp ủy hoặc phó chủ tịch hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân cấp huyện; đến năm 2035, có ít nhất 80% huyện, thị xã, thành phố và Đảng ủy Khối có cán bộ trẻ dưới 40 tuổi trong thường trực cấp ủy.

- Đối với cán bộ chủ chốt cấp xã (*gồm bí thư, phó bí thư đảng ủy; chủ tịch, phó chủ tịch HĐND; chủ tịch, phó chủ tịch UBND*) 100% có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên; 40% cán bộ lãnh đạo chủ chốt tại chính quyền đô thị (*phường, thị trấn*) dưới 40 tuổi có khả năng sử dụng ngoại ngữ đảm bảo điều kiện làm việc trong môi trường quốc tế.

- Phải có cán bộ nữ trong cơ cấu ban thường vụ cấp ủy và tổ chức đảng các cấp. Tỷ lệ nữ cấp ủy viên các cấp đạt từ 20 - 25%; tỷ lệ nữ đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp đạt trên 35%. Ở những địa bàn có đồng bào dân tộc thiểu số, phải có cán bộ lãnh đạo là người dân tộc thiểu số phù hợp với cơ cấu dân cư.

*(2) Tiếp tục thực hiện sắp xếp, điều động, luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý giữa các địa phương, cơ quan, đơn vị để rèn luyện, đào tạo thực tiễn*

- Đến năm 2030 bố trí 50% Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và 70% bí thư cấp ủy cấp xã không là người địa phương; đến năm 2035 tỷ lệ là 70% đối với chức danh Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và 90% đối với chức danh bí thư cấp ủy cấp xã.

- Bố trí 20 - 25% số xã, phường, thị trấn có cán bộ trẻ (*dưới 40 tuổi*) giữ chức vụ bí thư, chủ tịch ủy ban nhân dân (*lựa chọn từ nguồn đội ngũ cán bộ đang giữ chức vụ trưởng, phó trưởng phòng trở lên cấp tỉnh, cấp huyện dưới 40 tuổi*); 10 - 15% số xã, phường, thị trấn có cán bộ trẻ (*dưới 35 tuổi*) giữ các chức danh phó bí thư, phó chủ tịch hội đồng nhân dân, phó chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã (*lựa chọn từ nguồn đội ngũ cán bộ được quy hoạch giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp phòng trở lên cấp tỉnh, cấp huyện; cán bộ được quy hoạch chức danh cán bộ chủ chốt cấp xã dưới 35 tuổi*).

<sup>10</sup> Nghị quyết 09-NQ/TU ngày 01/06/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về nâng cao chất lượng cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.



**- Từ năm 2035 và những năm tiếp theo:**

Sau khi tổng kết thực hiện giai đoạn 2030 - 2035, Ban Thường vụ Tỉnh ủy sẽ căn cứ vào tình hình thực tiễn để tiếp tục hoàn thiện, bổ sung nội dung Đề án và đề ra các mục tiêu cụ thể, phù hợp cho giai đoạn từ năm 2035 và những năm tiếp theo.

**III. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu**

**1. Nâng cao nhận thức về công tác xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý tương lai cho hệ thống chính trị của tỉnh**

- Các cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu cơ quan, đơn vị tiếp tục quán triệt sâu sắc các nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý tương lai cho hệ thống chính trị của tỉnh; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cấp ủy, người đứng đầu cơ quan, đơn vị trong công tác xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý có đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển của tỉnh; gắn chỉ tiêu, nhiệm vụ xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý tương lai của tỉnh với trách nhiệm của cấp ủy và người đứng đầu cấp ủy các cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao đạo đức cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên; kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa đào tạo, bồi dưỡng ở trường lớp với rèn luyện trong thực tiễn và đẩy mạnh học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Thực hiện nghiêm chế độ học tập, bồi dưỡng lý luận chính trị, gắn với bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, nhất là cán bộ trẻ.

- Các tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương, các cơ quan tham mưu về công tác xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ động, tích cực tham mưu cấp có thẩm quyền thu hút, tuyển dụng, đào tạo, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm để tạo nguồn, xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý tương lai của tỉnh.

**2. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, thực hiện chính sách và xây dựng kế hoạch, lộ trình triển khai thực hiện Đề án**

- Tiếp tục hoàn thiện, chuẩn hóa, đồng bộ các quy định, quy chế, quy trình về công tác cán bộ.

- Rà soát, thực hiện các chính sách về thu hút, phát triển tài năng trẻ và tạo nguồn lãnh đạo, quản lý tương lai của tỉnh; ban hành quy chế lựa chọn, khuyến khích những cán bộ trẻ, cán bộ khoa học trẻ có năng lực vượt trội, có triển vọng (*gắn với quy hoạch*) cử đi đào tạo các chuyên ngành, lĩnh vực chuyên sâu mà tỉnh có nhu cầu sử dụng; tổ chức tốt công tác tuyển dụng, đào



tạo, bồi dưỡng, trọng dụng và tôn vinh; tạo môi trường làm việc thuận lợi cho tài năng trẻ, cán bộ được luân chuyển...

- Xây dựng chính sách; quy định rõ những cam kết, ràng buộc có tính pháp lý đối với những cán bộ trẻ, cán bộ khoa học trẻ được chọn cử đi đào tạo.

- Ban hành các kế hoạch triển khai theo từng giai đoạn và hằng năm để cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp nhằm thực hiện hiệu quả Đề án.

- Quy định trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương sử dụng cán bộ, công chức, viên chức trong xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý tương lai của tỉnh nói chung mà trước hết là đào tạo, chuẩn bị cán bộ xứng đáng để thay thế mình.

- Thực hiện các quy định về chế độ hỗ trợ đối với cán bộ được tuyển chọn, cử đi đào tạo sau đại học trong và ngoài nước; rà soát, sửa đổi, bổ sung các chính sách đối với cán bộ luân chuyển.

+ Căn cứ vào các quy định của Trung ương và tình hình thực tế của tỉnh, xác định một số chuyên ngành, lĩnh vực mà tỉnh đang cần có nguồn nhân lực chất lượng cao, cân đối, bố trí nguồn kinh phí ở mức bình quân 10 tỷ/năm trong giai đoạn 2022 - 2025 để hỗ trợ 100% chi phí đào tạo cho cán bộ được chọn cử đi đào tạo tiến sĩ trong nước và thạc sĩ, tiến sĩ ở nước ngoài.

+ Ngoài chế độ theo quy định của Trung ương đối với cán bộ luân chuyển, tùy vào tình hình thực tế của tỉnh, rà soát, sửa đổi, thực hiện chế độ, chính sách như bố trí nơi ở, hỗ trợ sinh hoạt phí cho cán bộ luân chuyển.

### **3. Thống nhất việc kiểm định chất lượng đầu vào công chức, viên chức để các cơ quan, đơn vị, địa phương lựa chọn, tuyển dụng theo yêu cầu, nhiệm vụ**

- Thực hiện nhất quán chủ trương ưu tiên xét tuyển, thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ vào ở tất cả các vị trí việc làm cần tuyển; chỉ thực hiện thi tuyển, xét tuyển đối với các vị trí việc làm không có hồ sơ đăng ký xét tuyển hoặc xét tuyển sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ không đạt yêu cầu. Xét tuyển sinh viên tốt nghiệp loại giỏi vào làm công chức cấp xã thông qua việc đăng tuyển thu hút, khi không có người tham gia mới thực hiện tuyển theo hình thức khác.

- Theo dõi, đánh giá, tạo điều kiện cho đối tượng thu hút phát huy năng lực, sở trường, cống hiến và phát triển.

- Quy định khung cơ chế, chính sách ưu đãi để phát hiện, thu hút, trọng dụng nhân tài có trọng tâm, trọng điểm, nhất là các ngành, lĩnh vực mũi nhọn phục vụ cho phát triển nhanh, bền vững.



#### **4. Đổi mới công tác quy hoạch**

- Phải làm tốt công tác đánh giá cán bộ, thẩm định rà soát kỹ lưỡng cán bộ trước khi đưa vào nguồn quy hoạch; kiên quyết không để lọt những người không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện, không xứng đáng vào quy hoạch cấp ủy và các chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp nhưng cũng không bỏ sót những cán bộ có đức, có tài, có uy tín, có triển vọng phát triển; bảo đảm yêu cầu nâng cao chất lượng công tác quy hoạch.

- Phát huy vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc phát hiện, giới thiệu nguồn cán bộ, nhất là nguồn cán bộ ngoài cơ quan, đơn vị, địa phương để đưa vào quy hoạch cấp ủy, chức danh lãnh đạo, quản lý ở cơ quan, đơn vị, địa phương mình, khắc phục tình trạng cục bộ, địa phương trong công tác quy hoạch cán bộ.

- Phải xem xét thận trọng giữa bằng cấp trình độ chuyên môn được đào tạo và năng lực thực tiễn, sở trường của cán bộ, lấy kết quả hoạt động công vụ làm thước đo chủ yếu; bảo đảm phù hợp về cơ cấu ngành, địa bàn, lĩnh vực công tác nhưng không vì cơ cấu mà hạ thấp tiêu chuẩn, điều kiện.

- Chú trọng cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ người dân tộc thiểu số trong quy hoạch cấp ủy và chức danh lãnh đạo, quản lý. Phấn đấu cơ cấu quy hoạch cán bộ nữ, cán bộ trẻ trong cấp ủy và các chức danh lãnh đạo, quản lý bảo đảm đạt hệ số theo quy định của Trung ương. Cấp có thẩm quyền phải căn cứ vào cơ cấu, số lượng, tiêu chuẩn, điều kiện, đối tượng, độ tuổi, tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ người dân tộc thiểu số để xem xét, quyết định quy hoạch cán bộ. Trường hợp lần đầu chưa đạt hệ số theo quy định thì kiên quyết để khuyết và bổ sung những lần sau để đạt hệ số theo quy định.

#### **5. Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị, kỹ năng lãnh đạo, quản lý cho đội ngũ cán bộ**

##### ***5.1. Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng theo hướng thực học***

Xây dựng Trường Chính trị đạt chuẩn; nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng theo hướng thực học; sử dụng công nghệ thông tin để đánh giá khách quan chất lượng học tập để thay đổi thái độ người học thiếu nghiêm túc, đối phó, học không nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng mà chỉ nhằm đạt tiêu chuẩn, điều kiện và văn bằng, chứng chỉ; xử lý nghiêm khắc đối với hành vi vi phạm của thầy và trò trong việc dạy và học tại Trường Chính trị tỉnh. Phải xây dựng Trường Chính trị tỉnh thành trung tâm, ngọn cờ trong đổi mới việc học tập, nghiên cứu lý luận của địa phương; là địa chỉ của những sáng kiến và giải pháp phát triển địa phương.

##### ***5.2. Bồi dưỡng chức danh được quy hoạch***



- Nâng cao chất lượng bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trước khi bổ nhiệm chức vụ lãnh đạo, quản lý; bảo đảm 100% cán bộ phải bồi dưỡng đáp ứng tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý trước khi được bổ nhiệm.

- Gắn quy hoạch với bồi dưỡng tiêu chuẩn ngạch, chức danh lãnh đạo, quản lý (*cấp phòng, cấp sở và tương đương, cấp huyện...*); chú trọng tổ chức các khóa bồi dưỡng trang bị kiến thức về công tác lãnh đạo, quản lý, tổ chức cán bộ...

### **5.3. Bồi dưỡng sau bầu cử, bổ nhiệm**

Cán bộ được bầu cử, bổ nhiệm giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị mà còn thiếu tiêu chuẩn chức danh vì lý do khách quan thì phải cử đi bồi dưỡng để đảm bảo đầy đủ tiêu chuẩn trong thời hạn không quá hai tháng sau bầu cử, bổ nhiệm.

### **5.4. Bồi dưỡng, cập nhật thường xuyên**

- Bồi dưỡng, cập nhật những vấn đề mới trong chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; kiến thức mới về khoa học lãnh đạo, quản lý, kinh nghiệm về công tác xây dựng Đảng, quản lý Nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý để nâng cao nhận thức chính trị, tư tưởng, đạo đức lối sống, năng lực công tác, khả năng nắm bắt, tổng kết, giải quyết những vấn đề mới đặt ra trong thực tiễn; tiếp tục hoàn thiện kỹ năng lãnh đạo, quản lý và năng lực điều hành, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong thời kỳ mới.

- Bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên giảng dạy các chương trình bồi dưỡng lý luận chính trị, quản lý Nhà nước; huy động các chuyên gia, nhà khoa học, quản lý có năng lực, trình độ, kinh nghiệm hoạt động thực tiễn tham gia công tác bồi dưỡng.

### **5.5. Đào tạo Văn bằng 2**

Các địa phương, cơ quan, đơn vị chọn cử cán bộ, công chức, viên chức trẻ, có triển vọng đi đào tạo đại học văn bằng 2 phù hợp với công việc đang thực hiện, đặc biệt là với những chuyên ngành mà tỉnh đang thiếu, nhằm tạo nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý trẻ có trình độ cao cho hệ thống chính trị của tỉnh.

### **5.6. Đào tạo lý luận chính trị**

Thực hiện tốt công tác đào tạo lý luận chính trị theo Quy định số 57-QĐ/TW ngày 08/02/2022 của Ban Bí thư về đối tượng, tiêu chuẩn và phân cấp đào tạo lý luận chính trị. Chú trọng đào tạo trình độ trung cấp, cao cấp lý luận chính trị cho cán bộ đương chức và quy hoạch các chức danh cán bộ lãnh đạo thuộc cấp ủy quản lý. Ưu tiên đào tạo cao cấp lý luận chính trị hệ tập trung đối với cán bộ đang giữ chức vụ trưởng, phó trưởng phòng trở lên



dưới 40 tuổi có trong quy hoạch diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và cán bộ dưới 35 tuổi được quy hoạch chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp phòng trở lên.

### **5.7. Đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ, kỹ năng làm việc trong môi trường quốc tế**

Đào tạo ngoại ngữ theo Kế hoạch của tỉnh đã ban hành<sup>11</sup> và các thông báo chiêu sinh của Trung ương. Tăng cường phối hợp với các cơ sở đào tạo uy tín tổ chức các lớp bồi dưỡng, cập nhật và nâng cao kiến thức, năng lực hội nhập quốc tế và các kỹ năng mềm bảo đảm cho cán bộ làm việc được trong môi trường quốc tế.

### **5.8. Đào tạo các nhà khoa học, chuyên gia đầu ngành của tỉnh về các lĩnh vực tỉnh đang cần**

- Lựa chọn, khuyến khích những cán bộ trẻ, cán bộ khoa học trẻ có năng lực vượt trội, có triển vọng, được quy hoạch chức danh lãnh đạo, quản lý, nhất là ở một số ngành, lĩnh vực có tính chất chuyên sâu như: Giáo dục, y tế; thông tin và truyền thông; khoa học và công nghệ; tài nguyên và môi trường; nông nghiệp và phát triển nông thôn; quản lý, phát triển đô thị; luật quốc tế... đi đào tạo sau đại học.

- Khuyến khích tự đào tạo chuyên môn sau đại học bằng nguồn kinh phí cá nhân, học bổng ngoài ngân sách nhà nước.

## **6. Về công tác đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức**

- Thấm nhuần quan điểm, tư tưởng của Hồ Chí Minh về đánh giá cán bộ đảm bảo tính toàn diện, tổng thể, xuyên suốt của hoạt động rèn luyện, phấn đấu, trưởng thành.

- Đổi mới công tác đánh giá cán bộ theo hướng: Xuyên suốt, liên tục, đa chiều, theo tiêu chí cụ thể, bằng sản phẩm, thông qua khảo sát, công khai kết quả và so sánh với chức danh tương đương; gắn đánh giá cá nhân với tập thể và kết quả thực hiện nhiệm vụ của địa phương, cơ quan, đơn vị.

- Rà soát, bổ sung hoàn thiện các tiêu chí đánh giá đảm bảo tất cả các vị trí lãnh đạo, quản lý từ tỉnh đến cơ sở đều phải có tiêu chí đánh giá cụ thể.

- Xác định rõ trách nhiệm của cá nhân, tổ chức được tham gia đánh giá và quyết định đánh giá; có chế tài trách nhiệm khi đánh giá sai do lỗi chủ quan.

- Chú trọng kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm trong công tác đánh giá cán bộ.

## **7. Về luân chuyển để đào tạo cán bộ**

<sup>11</sup> Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 22/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Đề án "Chương trình quốc gia về học tập ngoại ngữ cho cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2019 – 2030" tại tỉnh Quảng Ngãi.



- Triển khai thực hiện tốt Quy định số 65-QĐ/TW ngày 28/4/2022 của Bộ Chính trị về luân chuyển cán bộ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và các cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy cụ thể hóa cho phù hợp với từng địa phương, cơ quan, đơn vị.

- Thực hiện đột phá trong công tác luân chuyển:

+ Luân chuyển cán bộ trẻ, triển vọng cấp tỉnh, cấp huyện về làm bí thư, chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã (*ưu tiên lựa chọn từ đội ngũ cán bộ đang giữ chức vụ trưởng, phó trưởng phòng cấp tỉnh, cấp huyện có quy hoạch chức danh diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý dưới 40 tuổi luân chuyển về cơ sở*).

+ Luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương của các cơ quan cấp tỉnh về làm lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương ở cấp huyện và ngược lại.

+ Phát hiện cán bộ chủ chốt cấp xã có năng lực, triển vọng phát triển để điều động lên công tác ở cấp huyện, cấp tỉnh.

+ Luân chuyển ngang giữa các khối: Đảng, Nhà nước, đoàn thể.

+ Cải tiến quy trình lựa chọn cử cán bộ đi luân chuyển; đánh giá cán bộ luân chuyển và bố trí cán bộ sau luân chuyển.

## **8. Đột phá trong bổ nhiệm cán bộ có tài năng trong hoạt động công vụ**

Trên cơ sở quy định và hướng dẫn của Trung ương, các cơ quan, đơn vị, địa phương tiến hành cụ thể hóa tiêu chí xác định người có tài năng trong hoạt động công vụ để tạo sự thống nhất trong thực hiện; phát hiện và tiến cử trình Ban Thường vụ cấp ủy các cấp thành lập hội đồng thẩm định, đánh giá, kết luận và triển khai việc sử dụng, đãi ngộ và xem xét bổ nhiệm vượt cấp.

## **Phần thứ tư TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **I. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh**

Lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp các cơ quan liên quan rà soát, đánh giá các cơ chế, chính sách hiện có để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế; thể chế hóa đầy đủ các nội dung của Đề án thành các quy định, chính sách cụ thể để triển khai thực hiện Đề án.

### **II. Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh**

Lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn khẩn trương rà soát các cơ chế, chính sách hiện có, kịp thời tham mưu điều chỉnh, bổ sung, ban hành mới cho phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh để triển khai thực hiện Đề án đạt hiệu quả. Hằng năm, chỉ đạo các cơ quan chức năng



tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí dự toán kinh phí triển khai thực hiện Đề án theo chính sách, chế độ. Hằng năm, tổng hợp báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết quả triển khai thực hiện Đề án ở khối Nhà nước để theo dõi, chỉ đạo kịp thời.

### **III. Ban Tổ chức Tỉnh ủy**

1. Tham mưu ban hành và sửa đổi, bổ sung các quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy để thực hiện Đề án.

2. Tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy sắp xếp tổ chức bộ máy, biên chế; triển khai thực hiện có hiệu quả công tác tuyển dụng, đánh giá, xếp loại chất lượng, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý hằng năm và theo nhiệm kỳ theo các mục tiêu, chỉ tiêu của Đề án.

3. Giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo dõi các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương và người đứng đầu cấp ủy, chính quyền trong việc triển khai thực hiện các nội dung của Đề án; chủ trì, giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy đánh giá kết quả thực hiện Đề án hằng năm; tiến hành sơ kết kết quả thực hiện vào năm 2026 và tổng kết vào năm 2030, để Ban Thường vụ Tỉnh ủy có cơ sở xem xét, quyết định các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp thực hiện cho giai đoạn tiếp theo.

### **IV. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy**

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, cấp ủy địa phương, đơn vị thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền về chủ trương, ý nghĩa, tầm quan trọng và sự cần thiết của Đề án; nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, tạo sự đồng thuận trong hệ thống chính trị và trong nhân dân.

### **V. Các sở, ban, ngành; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội; các cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy**

1. Tổ chức quán triệt sâu rộng Đề án; đồng thời, cụ thể hóa Đề án này thành kế hoạch hằng năm và nhiệm kỳ; triển khai thực hiện ở địa phương, cơ quan, đơn vị; kịp thời sơ kết, rút kinh nghiệm, đề ra biện pháp cụ thể để thực hiện có hiệu quả. Kiến nghị, đề xuất những biện pháp cần bổ sung để đạt được mục tiêu Đề án.

2. Định kỳ vào quý IV hằng năm, tổng hợp, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy) về kết quả thực hiện của địa phương, cơ quan, đơn vị mình.

### **VI. Kinh phí thực hiện**

1. Kinh phí thực hiện Đề án này được bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành và khả năng cân đối ngân sách hằng năm của địa phương.



2. Nguồn tài trợ, hỗ trợ của tổ chức, cá nhân và đóng góp của cán bộ, công chức, viên chức và nguồn hợp pháp khác.

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh, vướng mắc, các cấp ủy, tổ chức đảng, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy) để xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư (báo cáo),
- Ban Tổ chức Trung ương (báo cáo),
- Vụ Địa phương, BTCTW (báo cáo),
- Các đồng chí TUV,
- Các cơ quan chuyên trách TMGV Tỉnh ủy,
- Các ban cán sự đảng, đảng đoàn,
- MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh,
- Trường Chính trị tỉnh, Báo Quảng Ngãi,
- Ban Bảo vệ CSSK cán bộ tỉnh,
- Các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc TU,
- VPTU: PCVP, P. Tổng hợp,
- Phòng CS và ĐTCB, BTCTU,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
BÍ THƯ**



**Bùi Thị Quỳnh Vân**



**PHỤ LỤC 01:**  
**THỰC TRẠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ CẤP TỈNH**  
*(Ban hành kèm theo Đề án số 12-ĐA/TU ngày 07/9/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)*

ST T	Chức danh	Tổng số	Độ tuổi			Trình độ chuyên môn			Lý luận chính trị		Ghi chú
			Dưới 35	Từ 35 đến dưới 40	Từ 40 trở lên	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cử nhân, Cao cấp	Trung cấp	
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>
1	Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh	54		1	53	2	24	28	54		
2	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	13			13		7	6	13		
3	Bí thư Tỉnh ủy	1			1		1		1		
4	Phó Bí thư Tỉnh ủy	3			3		1	2	3		
5	Chủ tịch HĐND tỉnh	1			1		1		1		
6	Chủ tịch UBND tỉnh	1			1			1	1		
7	Phó Chủ tịch HĐND tỉnh	2			2		2		2		
8	Phó Chủ tịch UBND tỉnh	3			3		3		3		
9	Giám đốc Sở và tương đương	43		2	41	3	25	15	43		
10	Phó Giám đốc Sở và tương đương	107	1	2	104	1	46	60	107		
11	Trưởng phòng và tương đương cấp tỉnh	266	4	14	248	15	126	125	212	54	
12	Phó trưởng phòng và tương đương cấp tỉnh	420	10	38	372	13	203	204	172	248	

Ghi chú: 1. Thống kê biểu mẫu bằng con số

2. Cột (3) Tổng số: Là tổng số người đang giữ chức danh

3. Dòng (11) chức danh tương đương trưởng phòng cấp tỉnh là: Chi cục trưởng, trưởng ban... thuộc sở, ngành. Trừ những trường hợp là Phó Giám đốc Sở kiêm trưởng Ban thi thống kê ở dòng (10).

4. Dòng (12) chức danh tương đương phó trưởng phòng cấp tỉnh là: Phó Chi cục trưởng, Phó trưởng ban... thuộc sở, ngành.

5. Đối với BQL DA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh, BQL DA đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh thì chức danh Giám đốc thống kê ở dòng (10), Phó Giám đốc thống kê ở dòng (11), trưởng phòng thuộc Ban thống kê ở dòng (12).

6. Đối với các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo thì chức danh Hiệu trưởng thống kê ở dòng (11), phó hiệu trưởng thống kê ở dòng (12).

7. Đối với các cơ sở y tế trực thuộc Sở Y tế thì chức danh Giám đốc và tương đương thống kê ở dòng (11), Phó Giám đốc và tương đương thống kê ở dòng (12).



**PHỤ LỤC 02:**  
**THỰC TRẠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ CẤP HUYỆN, CẤP XÃ**  
*(Ban hành kèm theo Đề án số 12-ĐA/TU ngày 07/9/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)*

STT	Chức danh	Tổng số	Độ tuổi			Trình độ chuyên môn			Lý luận chính trị		Ghi chú
			Dưới 35	Từ 35 đến dưới 40	Từ 40 trở lên	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cử nhân, Cao cấp	Trung cấp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
<b>I</b>	<b>Cấp huyện</b>										
1	Ban Chấp hành Đảng bộ huyện	493	8	79	406	4	173	297	449	63	
2	Ban Thường vụ Huyện ủy	146		4	142	2	66	78	146		
3	Bí thư Huyện ủy	14			14	2	7	5	14		
4	Phó Bí thư Huyện ủy	25			25		18	7	25		
5	Chủ tịch HĐND huyện	13			13		6	7	13		
6	Chủ tịch UBND huyện	13			13		11	2	13		
7	Phó Chủ tịch HĐND huyện	13		1	12		4	9	13		
8	Phó Chủ tịch UBND huyện	29	1	4	24	1	14	14	29		
9	Trưởng phòng và tương đương cấp huyện	516	6	29	481	6	97	402	212	304	
10	Phó trưởng phòng và tương đương cấp huyện	753	22	142	589	4	140	595	237	516	
<b>II</b>	<b>Cấp xã</b>										
1	Bí thư Đảng ủy cấp xã (Kể cả kiêm Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND)	169	2	28	139		31	135	77	92	
2	Phó Bí thư Đảng ủy cấp xã (Kể cả kiêm Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND)	236	1	60	175		15	214	21	215	
3	Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND	195		33	162		17	175	38	157	
4	Phó Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch UBND	430	18	145	267		8	410	2	428	

Ghi chú: 1. Thống kê biểu mẫu bằng con số

2. Cột (3) Tổng số: Là tổng số người đang giữ chức danh

3. Dòng (9), Mục (I) chức danh tương đương trưởng phòng cấp huyện là: Trưởng ban, ngành; chủ tịch UBMTTQVN, Bí thư đoàn.... cấp huyện.

4. Dòng (10), Mục (I) chức danh tương đương phó trưởng phòng cấp huyện là: Phó trưởng ban, ngành; phó giám đốc trung tâm chính trị.... cấp huyện.

5. Đối với các trường trung học cơ sở thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo thì chức danh Hiệu trưởng thống kê ở dòng (9) mục (I), chức danh phó hiệu trưởng thống kê ở dòng (10), mục (I).

6. Đối với các trung tâm y tế thuộc huyện thì chức danh Giám đốc và tương đương thống kê ở dòng (9) mục (I), chức danh Phó Giám đốc và tương đương thống kê ở dòng (10) mục (I).



**PHỤ LỤC 03:**  
**THỰC TRẠNG QUY HOẠCH**  
**CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ CẤP TỈNH**  
(Ban hành kèm theo Đề án số 12-ĐA/TU ngày 07/9/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

ST T	Chức danh	Tổng số	Độ tuổi			Trình độ chuyên môn			Lý luận chính trị		Ghi chú
			Dưới 35	Từ 35 đến dưới 40	Từ 40 trở lên	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cử nhân, Cao cấp	Trung cấp	
<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>
1	Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh	93		10	83	2	57	34	93		
2	Ban Thường vụ Tỉnh ủy	11			11	1	7	3	11		
3	Bí thư Tỉnh ủy	2			2		1	1	2		
4	Phó Bí thư Tỉnh ủy	4			4		2	2	4		
5	Chủ tịch HĐND tỉnh	2			2		1	1	2		
6	Chủ tịch UBND tỉnh	2			2		2		2		
7	Phó Chủ tịch HĐND tỉnh	6			6	1	4	1	6		
8	Phó Chủ tịch UBND tỉnh	6			6		5	1	6		
9	Giám đốc Sở và tương đương	79	3	3	73	4	49	26	78	1	
10	Phó Giám đốc Sở và tương đương	219	7	20	192	11	122	86	188	29	
11	Trưởng phòng và tương đương cấp tỉnh	445	14	71	360	13	215	217	141	277	

## Ghi chú:

1. Thống kê biểu mẫu bằng con số
2. Cột (3) Tổng số: Là tổng số người đang giữ chức danh được quy hoạch
3. Dòng (3,4,5,6,7,8,9,10,11): Đối với 01 người được quy hoạch nhiều chức danh thì thống kê chức danh quy hoạch cao nhất.
4. Dòng (11) chức danh tương đương trưởng phòng cấp tỉnh là: Chi cục trưởng, trưởng ban... thuộc sở, ngành.
5. Đối với BQL DA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh, BQL DA đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh thì quy hoạch chức danh Giám đốc thống kê ở dòng (10), Phó Giám đốc thì thống kê ở dòng (11).
7. Đối với các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, quy hoạch chức danh Hiệu trưởng thống kê ở dòng (11).
8. Đối với các cơ sở y tế trực thuộc Sở Y tế quy hoạch chức danh Giám đốc và tương đương thống kê ở dòng (11).



**PHỤ LỤC 04:**  
**THỰC TRẠNG QUY HOẠCH**  
**CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ CẤP HUYỆN, CẤP XÃ**  
(Ban hành kèm theo Đề án số 12 -ĐA/TU ngày 07/9/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

ST T	Chức danh	Tổng số	Độ tuổi			Trình độ chuyên môn			Lý luận chính trị		Ghi chú
			Dưới 35	Từ 35 đến dưới 40	Từ 40 trở lên	Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cử nhân, Cao cấp	Trung cấp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
<b>I</b>	<b>Cấp huyện</b>										
1	Ban Chấp hành Đảng bộ huyện	829	92	195	542	2	219	608	385	442	
2	Ban Thường vụ Huyện ủy	254	14	54	186		104	150	231	23	
3	Bí thư Huyện ủy	44		2	42		25	19	44		
4	Phó Bí thư Huyện ủy	78	1	9	68		39	39	78		
5	Chủ tịch HĐND huyện	37	2	5	30		24	13	37		
6	Chủ tịch UBND huyện	38	1	3	34		19	19	38		
7	Phó Chủ tịch HĐND huyện	49	3	11	35		19	30	48	1	
8	Phó Chủ tịch UBND huyện	93	7	18	68	2	49	42	91	2	
9	Trưởng phòng và tương đương cấp huyện	1355	81	336	938	4	190	1095	368	870	
<b>II</b>	<b>Cấp xã</b>										
1	Bí thư Đảng ủy cấp xã (Kể cả kiêm Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND)	306	42	92	172		6	210	30	256	
2	Phó Bí thư Đảng ủy cấp xã (Kể cả kiêm Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND)	406	144	122	140		6	258	2	386	
3	Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND)	538	118	160	260		6	332	28	496	
4	Phó Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch UBND)	678	324	196	158		2	396		616	

Ghi chú:

1. Thống kê biểu mẫu bằng con số
2. Cột (3) Tổng số: Là tổng số người đang giữ chức danh được quy hoạch
3. Dòng (3,4,5,6,7,8,9): Đối với 01 người được quy hoạch nhiều chức danh thì thống kê chức danh quy hoạch cao nhất.
4. Dòng (9) chức danh tương đương trưởng phòng cấp huyện là: Trưởng ban, ngành; chủ tịch UBMTTQVN, Bí thư đoàn.... cấp huyện
5. Đối với các trường trung học cơ sở trực thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo quy hoạch chức danh Hiệu trưởng thống kê ở dòng (9)
6. Đối với các trung tâm y tế thuộc huyện quy hoạch chức danh Giám đốc và tương đương thống kê ở dòng (9).



**PHỤ LỤC 05:**  
**SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC**  
**LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ CẤP TỈNH ĐƯỢC ĐÀO TẠO TRONG GIAI ĐOẠN TỪ 2010 - 2022**  
(Ban hành kèm theo Đề án số 12-ĐA/TU ngày 07/9/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

STT	Nội dung  Đối tượng	Giai đoạn 2010-2015										Giai đoạn 2015-2022 (năm 2022 tính đến tháng 3/2022)										Ghi chú
		Chuyên môn								Lý luận chính trị		Chuyên môn								Lý luận chính trị		
		Tiền sĩ				Thạc sĩ				Cao cấp	Trung cấp	Tiền sĩ				Thạc sĩ				Cao cấp	Trung cấp	
		Trong nước		Ngoài nước		Trong nước		Ngoài nước				Trong nước		Ngoài nước		Trong nước		Ngoài nước				
		40 tuổi trở xuống	Trên 40 tuổi	40 tuổi trở xuống	Trên 40 tuổi	40 tuổi trở xuống	Trên 40 tuổi	40 tuổi trở xuống	Trên 40 tuổi			40 tuổi trở xuống	Trên 40 tuổi	40 tuổi trở xuống	Trên 40 tuổi	40 tuổi trở xuống	Trên 40 tuổi	40 tuổi trở xuống	Trên 40 tuổi			
3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23		
1	Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh									2										4		
2	Ban Thường vụ Tỉnh ủy					1	1													3		
3	Bí thư Tỉnh ủy															1						
4	Phó Bí thư Tỉnh ủy																					
5	Chủ tịch HĐND tỉnh															1						
6	Chủ tịch UBND tỉnh																					
7	Phó Chủ tịch HĐND tỉnh						1			2							1			2		
8	Phó Chủ tịch UBND tỉnh						1			1												
9	Giám đốc Sở và tương đương		1			3	6		1	15		1	1			1	6			12		
10	Phó Giám đốc Sở và tương đương		2			5	19		2	32		2	374			9	15		1	33		
11	Trưởng phòng và tương đương cấp tỉnh	1	8			13	33		1	97	18	6				13	63		3	109	45	
12	Phó trưởng phòng và tương đương cấp tỉnh	3	2			26	38	4	1	84	92	1	1	374		32	71		1	100	166	

Ghi chú: 1. Thống kê biểu mẫu bằng con số

2. Dòng (11) chức danh tương đương trưởng phòng cấp tỉnh là: Chi cục trưởng, trưởng ban... thuộc sở, ngành. Trừ những trường hợp là Phó Giám đốc Sở kiêm trưởng Ban thi thống kê ở dòng (10).

3. Dòng (12) chức danh tương đương phó trưởng phòng cấp tỉnh là: Phó Chi cục trưởng, Phó trưởng ban... thuộc sở, ngành.

4. Đối với BQL DA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh, BQL DA đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh thì chức danh Giám đốc thống kê ở dòng (10), Phó Giám đốc thống kê ở dòng (11), trưởng phòng thuộc Ban thống kê ở dòng (12).

5. Đối với các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo thì chức danh Hiệu trưởng thống kê ở dòng (11), phó hiệu trưởng thống kê ở dòng (12).

6. Đối với các cơ sở y tế trực thuộc Sở Y tế thì chức danh Giám đốc và tương đương thống kê ở dòng (11), Phó Giám đốc và tương đương thống kê ở dòng (12).



**PHỤ LỤC 06:**  
**SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC**  
**LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ CẤP HUYỆN ĐƯỢC ĐÀO TẠO TRONG GIAI ĐOẠN TỪ 2010 - 2022**  
(Ban hành kèm theo Đề án số 12-ĐA/TU ngày 07/9/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

STT	Nội dung  Đối tượng	Giai đoạn 2010-2015										Giai đoạn 2015-2022 (năm 2022 tính đến tháng 3/2022)										Ghi chú
		Chuyên môn								Lý luận chính trị		Chuyên môn								Lý luận chính trị		
		Tiền sĩ				Thạc sĩ				Cao cấp	Trung cấp	Tiền sĩ				Thạc sĩ				Cao cấp	Trung cấp	
		Trong nước		Ngoài nước		Trong nước		Ngoài nước				Trong nước		Ngoài nước		Trong nước		Ngoài nước				
		40 tuổi trở xuống	Trên 40 tuổi	40 tuổi trở xuống	Trên 40 tuổi	40 tuổi trở xuống	Trên 40 tuổi	40 tuổi trở xuống	Trên 40 tuổi			40 tuổi trở xuống	Trên 40 tuổi	40 tuổi trở xuống	Trên 40 tuổi	40 tuổi trở xuống	Trên 40 tuổi	40 tuổi trở xuống	Trên 40 tuổi			
3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23		
1	Ban Chấp hành Đảng bộ huyện		2			25	17	1		159	13	2			12	49	2		132			
2	Ban Thường vụ Huyện ủy					7	4			36	14	1	3		1	22			21			
3	Bí thư Huyện ủy							1		2		1				1			3			
4	Phó Bí thư Huyện ủy					1				4						1			3			
5	Chủ tịch HĐND huyện							1		4						1			3			
6	Chủ tịch UBND huyện					1	1			5						6			3			
7	Phó Chủ tịch HĐND huyện							1		8						2			4			
8	Phó Chủ tịch UBND huyện					1	2			8					1	6			6			
9	Trưởng phòng và tương đương cấp huyện	2	2			84	47	1		256	503	2	5		79	93			385	746		
10	Phó trưởng phòng và tương đương cấp huyện	1	1			41	16			100	189	2	2		33	30			153	292		

Ghi chú: 1. Thống kê biểu mẫu bằng con số

- Dòng (9) chức danh tương đương trưởng phòng cấp huyện là: Trưởng ban, ngành; chủ tịch UBMTTQVN, Bí thư đoàn.... cấp huyện.
- Dòng (10) chức danh tương đương phó trưởng phòng cấp huyện là: Phó trưởng ban, ngành; phó giám đốc trung tâm chính trị.... cấp huyện.
- Đối với các trường trung học cơ sở thuộc Phòng Giáo dục và Đào tạo thì chức danh Hiệu trưởng thống kê ở dòng (9), chức danh phó hiệu trưởng thống kê ở dòng (10).
- Đối với các trung tâm y tế thuộc huyện thì chức danh Giám đốc và tương đương thống kê ở dòng (9), chức danh Phó Giám đốc và tương đương thống kê ở dòng (10).



**PHỤ LỤC 07:**  
**SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, CHỦ CHỐT CẤP XÃ ĐƯỢC ĐÀO TẠO TRONG GIAI ĐOẠN TỪ 2010 - 2022**  
(Ban hành kèm theo Đề án số 12-ĐA/TU ngày 07/9/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

Biểu mẫu: 07

STT	Nội dung  Đối tượng	Giai đoạn 2010-2015												Giai đoạn 2015-2022 (năm 2022 tính đến tháng 3/2022)												Ghi chú
		Chuyên môn										Lý luận chính trị		Chuyên môn										Lý luận chính trị		
		Thạc sĩ				Đại học				Cao đẳng	Trung cấp	Cao cấp	Trung cấp	Thạc sĩ				Đại học				Cao đẳng	Trung cấp	Cao cấp	Trung cấp	
		Trong nước		Ngoài nước		Trong nước		Ngoài nước						Trong nước		Ngoài nước		Trong nước		Ngoài nước						
		40 tuổi trở xuống	Trên 40 tuổi	40 tuổi trở xuống	Trên 40 tuổi	40 tuổi trở xuống	Trên 40 tuổi	40 tuổi trở xuống	Trên 40 tuổi					40 tuổi trở xuống	Trên 40 tuổi	40 tuổi trở xuống	Trên 40 tuổi	40 tuổi trở xuống	Trên 40 tuổi	40 tuổi trở xuống	Trên 40 tuổi					
3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27		
1	Bí thư Đảng ủy cấp xã (Kể cả kiêm Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND)		3			7	15			1	5	5	45		2			5	2				2	10	84	
2	Phó Bí thư Đảng ủy cấp xã (Kể cả kiêm Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND)		2			42	20				6	2	65		1			10	6					12	64	
3	Chủ tịch HĐND, Chủ tịch UBND		2			45	10			1	3	3	87		2	4		20	10				1	3	42	
4	Phó Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch UBND		1			82	6				14	2	51		2			30	30				7	4	36	